

BÀI 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Nội dung

- Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

Mục tiêu

Học xong bài này các anh/chị sẽ nắm được chủ nghĩa duy vật biện chứng là hạt nhân lý luận triết học của thế giới quan khoa học Mác Lênin; là hệ thống lý luận và phương pháp luận được xác lập trên cơ sở giải quyết vấn đề cơ bản của triết học theo quan điểm duy vật biện chứng.

Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành bài thứ nhất anh (chị) sẽ nắm được:

- Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật.
- Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, cùng ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

1.1. Chủ nghĩa duy vật và Chủ nghĩa biện chứng

1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

Theo Ăngghen, *vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại*. Vấn đề này được gọi là vấn đề cơ bản của triết học bởi vì: thứ nhất, nó nảy sinh cùng với sự ra đời của triết học và tồn tại trong tất cả các trường phái triết học cho tới tận ngày nay; thứ hai, giải quyết vấn đề này là cơ sở để giải quyết tất cả các vấn đề triết học khác còn lại và là tiêu chuẩn để xác định lập trường, thế giới quan của các nhà triết học cũng như các học thuyết của họ.

Vấn đề cơ bản này có hai mặt:

- **Mặt thứ nhất:** trả lời cho câu hỏi giữa vật chất và ý thức (tồn tại và tư duy), cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?
- **Mặt thứ hai:** trả lời cho câu hỏi: con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không? (ý thức có thể phản ánh được vật chất hay không?).

Cách giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học đã chia các triết gia làm hai phái cơ bản. Những nhà triết học nào cho rằng, vật chất có trước ý thức, vật chất quyết định ý thức được gọi là các nhà duy vật. Chủ nghĩa duy vật (CNDV) đã trải qua các hình thức: CNDV ngây thơ, chất phác, trực quan cổ đại; CNDV siêu hình, máy móc thế kỷ XVII-XVIII và CNDV biện chứng do Mác và Ăngghen sáng lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Chủ nghĩa duy vật tồn tại và phát triển có nguồn gốc từ sự phát triển của khoa học và thực tiễn, đồng thời gắn với lợi ích của giai cấp và lực lượng tiên bộ trong lịch sử.

Ngược lại, các nhà triết học nào cho rằng, ý thức có trước vật chất, quyết định vật chất được gọi là các nhà duy tâm. Trong các nhà duy tâm lại chia thành duy tâm chủ quan (cho ý thức, cảm giác ở trong đầu con người là có trước vật chất, quyết định vật chất), và chủ nghĩa duy tâm khách quan (cho ý niệm tuyệt đối, tinh thần thế giới hay lực lượng siêu tự nhiên nào đó ở ngoài con người là nguồn gốc của thế giới). Tuy có sự khác nhau về cái có trước, nhưng cả chủ nghĩa duy tâm chủ quan

và chủ nghĩa duy tâm khách quan đều thống nhất với nhau ở chỗ coi ý thức, tinh thần là cái có trước, là cái sản sinh ra vật chất và quyết định vật chất.

Chủ nghĩa duy tâm có nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội của nó, đó là: Sự xem xét phiến diện, tuyệt đối hoá, thần thánh hoá một mặt, một đặc tính nào đó của quá trình nhận thức và đồng thời thường gắn với lợi ích của các giai cấp, tầng lớp áp bức, bóc lột. Mặt khác chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo thường có mối liên hệ mật thiết với nhau, nương dựa vào nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Những nhà triết học cho rằng, chỉ có vật chất là nguồn gốc duy nhất của thế giới được gọi là những nhà nhất nguyên duy vật. Còn các nhà triết học cho rằng chỉ có ý thức là nguồn gốc duy nhất của thế giới được gọi là các nhà nhất nguyên duy tâm. Những nhà triết học cho rằng cả vật chất lẫn ý thức đều là hai nguồn gốc song song tồn tại, không cái nào có trước cái nào, đồng thời là nguồn gốc tạo nên thế giới được gọi là các nhà nhị nguyên.

Cách giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học cũng chia các nhà triết học thành nhiều trường phái khác nhau. Những ai công nhận khả năng nhận thức thế giới của con người thì thuộc về phái có thể biết; những nhà triết học phủ nhận khả năng nhận thức thế giới của con người thì thuộc về phái không thể biết hay còn gọi là "bất khả tri". Những ai nghi ngờ khả năng nhận thức của con người cũng như nghi ngờ sự tồn tại của bản thân sự vật thì thuộc về phái hoài nghi chủ nghĩa.

1.1.2. Những hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật – chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật

Chủ nghĩa duy vật (CNDV) đã trải qua ba hình thức lịch sử cơ bản: CNDV ngây thơ, chất phác, trực quan cổ đại; CNDV siêu hình, máy móc thế kỷ XVII – XVIII và CNDV biện chứng do Mác và Ăngghen sáng lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX.

- **Chủ nghĩa duy vật cổ đại:** Có đặc trưng nổi bật là đã lý giải toàn bộ sự sinh thành của thế giới từ một hoặc một số dạng vật chất cụ thể, cảm tính, coi đó là thực thể đầu tiên là bản nguyên của thế giới. Tuy còn mang tính trực quan, ngây thơ, chất phác, bao chứa nhiều

hạn chế so với sự phát triển sau này. Nhưng CNDV cổ đại về cơ bản là đúng, vì nó đã lấy bản thân vật chất của giới tự nhiên để giải thích về giới tự nhiên, nó không viện dẫn đến một đáng thần linh hay một đáng sáng tạo nào để giải thích thế giới.

- **Chủ nghĩa duy vật siêu hình:** Là hình thức cơ bản thứ hai của CNDV, thể hiện khá rõ từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII, mà đặc trưng nổi bật của nó là chịu sự tác động mạnh mẽ của phương pháp siêu hình máy móc của cơ học cổ điển. Do đó, theo quan điểm của CNDV siêu hình, thế giới giống như một cỗ máy cơ giới khổng lồ mà mỗi bộ phận tạo nên nó luôn ở trong trạng thái biệt lập, tĩnh tại nếu có biến đổi thì đó chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về số lượng và do những nguyên nhân bên ngoài gây nên.

Tuy chưa phản ánh đúng hiện thực trong mối liên hệ phổ biến và sự phát triển nhưng chủ nghĩa duy vật siêu hình đã góp phần không nhỏ vào việc chống lại thế giới quan duy tâm và tôn giáo, nhất là giai đoạn lịch sử chuyển tiếp từ thời Trung cổ sang thời phục hưng ở các nước Tây Âu.

- **Chủ nghĩa duy vật biện chứng:** Là hình thức cơ bản thứ ba của chủ nghĩa duy vật, đồng thời là hình thức phát triển cao nhất của CNDV do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập từ những năm 40 của thế kỷ XIX, sau đó V.I.Lênin và những người kế tục ông bảo vệ và phát triển. Với sự kế thừa tinh hoa của các học thuyết triết học trước đó và sử dụng triệt để những thành tựu khoa học tự nhiên đương thời, chủ nghĩa duy vật biện chứng ngay từ khi mới ra đời đã khắc phục được hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại và chủ nghĩa duy vật siêu hình thời cận đại, đạt tới trình độ là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử. Trên cơ sở phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan trong mối liên hệ phổ biến và sự phát triển; nêu ra những quy luật phổ biến nhất chi phối sự vận động phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; tạo ra sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng; chủ nghĩa duy vật biện chứng đã cung cấp công cụ vĩ đại cho hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng tạo ra cuộc cách mạng trong lịch sử triết học.

Toàn bộ hệ thống quan niệm, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng được xây dựng trên cơ sở lý giải một cách khoa học về vật chất, ý thức và mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

1.2.1. Phạm trù vật chất

1.2.1.1. Quan điểm của CNDV trước Mác về vật chất

Thời cổ đại các nhà duy vật đồng nhất vật chất nói chung với một dạng tồn tại cụ thể của nó như nước (Talét), lửa (Hêraclít), nguyên tử (Đêmocrit), không khí...v.v. Phái ngũ hành ở Trung Hoa cổ đại quan niệm vật chất là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Quan niệm này duy vật những trực quan, thô sơ, chất phác. Đỉnh cao của quan niệm duy vật thời cổ đại về vật chất là quan niệm của Đêmocrit cho rằng vật chất là những hạt nguyên tử (hạt vật chất) nhỏ nhất, không thể phân chia, luôn vận động trong khoảng không trống rỗng. Quan niệm này chưa được chứng minh bằng khoa học chủ yếu là những phỏng đoán.

Thời kỳ phục hưng, cận đại các nhà duy vật đã đồng nhất vật chất nói chung với một thuộc tính của nó như trọng lượng, vận động, quảng tính. Quan niệm này duy vật nhưng siêu hình. Các nhà duy vật thời kỳ này vẫn kế thừa quan niệm cổ đại về nguyên tử. Nhưng lại tách rời nguyên tử với vận động, không gian và thời gian. Quan niệm này bế tắc khi những thành tựu mới của khoa học tự nhiên ra đời. Đó là phát hiện ra tia X (1895), phát hiện ra hiện tượng phóng xạ (1896), phát hiện ra điện tử (1897) và điện tử là một thành phần cấu tạo nên nguyên tử. v.v. Chủ nghĩa duy tâm đã lợi dụng tình huống này cho rằng vật chất biến mất, vật chất tiêu tan. Thực ra, quan niệm siêu hình của con người về vật chất bị tiêu tan chứ không phải bản thân vật chất tiêu tan.

1.2.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất

Định nghĩa của Lênin về phạm trù vật chất: Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Qua định nghĩa về vật chất của Lênin cần hiểu rõ:

- **Thứ nhất:** cần phân biệt vật chất với tư cách là một phạm trù triết học khác với phạm trù vật chất của các khoa học chuyên ngành. Phạm trù triết học khái quát hơn phạm trù các khoa học khác.
- **Thứ hai:** phải hiểu “Thực tại khách quan” là gì? Đó là tất cả những gì tồn tại thực sự ở bên ngoài con người không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Chẳng hạn trái đất, ngôi sao, điện tử, nước, lửa, không khí, ánh sáng v.v... Những cái này tồn tại thực và không phụ thuộc vào ý muốn của con người. Con người có tồn tại hay không tồn tại, có biết hay không biết chúng thì chúng vẫn tồn tại tự thân chúng.

Cũng cần phân biệt thực tại khách quan với thực tế. Thực tế là tất cả những gì đã và đang tồn tại thực.

Như vậy, vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan cho thấy: thực tại khách quan là tiêu chuẩn cần và đủ để phân biệt cái gì thuộc về vật chất. Điều này cũng nói lên rằng vật chất có nhiều thuộc tính nhưng thuộc tính thực tại khách quan là thuộc tính cơ bản nhất, quan trọng nhất của vật chất.

- **Thứ ba:** cụm từ “được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác” trong định nghĩa của Lênin có nghĩa là thực tại khách quan (vật chất) là có trước, cảm giác, ý thức của con người có sau và có thể phản ánh được thực tại khách quan (vật chất) qua bộ óc người. Điều này cũng chứng tỏ vật chất không tồn tại trừu tượng đâu đó mà tồn tại qua các dạng cụ thể. Những dạng cụ thể này sẽ được cảm giác con người phản ánh. Điều này cũng có nghĩa là ý thức của con người có thể phản ánh được vật chất. Tức là, con người có thể nhận thức được vật chất.

Ý nghĩa của định nghĩa vật chất của Lênin với việc phát triển thế giới quan duy vật:

- Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin đã giải quyết được cả hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học. Mặt thứ nhất đã được V.I. Lênin khẳng định rõ vật chất – thực tại khách quan là có trước; cảm giác, ý thức của con người là có sau (chép lại, chụp lại – nghĩa là có sau

vật chất). Mặt thứ hai được V.I. Lênin khẳng định cảm giác của con người chép lại được, chụp lại được, phản ánh lại được thực tại khách quan. Nghĩa là ý thức có thể phản ánh, nhận thức được vật chất. Trên cơ sở đó củng cố, khẳng định thế giới quan duy vật biện chứng.

- Định nghĩa vật chất của Lênin đã chống lại được cả quan niệm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan, cả quan niệm của chủ nghĩa duy tâm khách quan về vật chất, về vấn đề cơ bản của triết học, góp phần trực tiếp củng cố thế giới quan duy vật biện chứng.
- Định nghĩa vật chất của Lênin đã khắc phục được những quan niệm trực quan, siêu hình, máy móc về vật chất của các nhà duy vật cũ. Đồng thời đã thể hiện được sự kế thừa, phát triển sâu sắc những tư tưởng của C. Mác, nhất là của Ph.Ăngghen về vật chất.
- Định nghĩa vật chất của Lênin đã trở thành cơ sở khoa học cho các nhà khoa học tự nhiên nghiên cứu thế giới tự nhiên, cung cấp cho họ một thế giới quan duy vật để họ tiếp cận, nghiên cứu thế giới vật chất.

1.2.1.3. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất: Ph.Ăngghen định nghĩa: “Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất, tức được hiểu là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất – thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy”.

Vận động được coi là phương thức tồn tại của vật chất. Điều này có nghĩa là, vật chất tồn tại bằng cách vận động, thông qua vận động. Nói cách khác vật chất biểu thị sự tồn tại của mình thông qua vận động. Cũng vì vậy, muốn nhận thức sự vật thì phải nhận thức nó trong vận động. Không có vật chất không vận động. Sự vận động của vật chất là vận động tự thân, là sự tự vận động. Nguồn gốc vận động của vật chất nằm ở ngay trong bản thân cấu trúc nội tại của vật chất. Vận động của vật chất không mất đi, chỉ chuyển từ hình thức vận động này sang hình thức vận động khác.

Ph. Ăngghen dựa vào những thành tựu của khoa học tự nhiên đương thời đã chia vận động thành 5 hình thức cơ bản:

- Vận động cơ học – sự di chuyển của các vật thể của mọi sự vật hiện tượng trong không gian.
- Vận động vật lý – vận động của phân tử, của các hạt cơ bản, của các quá trình nhiệt, điện v.v...
- Vận động hóa học – vận động của các quá trình hóa hợp và phân giải các chất.
- Vận động sinh học – sự trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường.
- Vận động xã hội – sự thay thế các hình thái kinh tế – xã hội, các quá trình xã hội v.v... Vận động xã hội được coi là dạng vận động cao nhất vì xã hội là một dạng vật chất đặc biệt. Hình thái vận động xã hội lấy mối quan hệ của con người và sự tác động lẫn nhau giữa người với người làm nền tảng.

Các hình thức vận động cơ bản nói trên được sắp xếp theo thứ tự từ trình độ thấp đến trình độ cao, tương ứng trình độ kết cấu của vật chất. Các hình thức vận động khác nhau về chất song chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó: hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp và bao hàm trong nó những hình thức vận động thấp hơn. Trong sự tồn tại của mình mỗi sự vật có thể có nhiều hình thức vận động khác nhau song bản thân nó bao giờ cũng được đặc trưng bởi hình thức vận động cao nhất mà nó có.

Bằng việc phân loại các hình thức vận động cơ bản, Ph.Ăngghen đã đặt cơ sở cho việc phân loại, phân ngành, hợp loại hợp ngành khoa học. Và còn là cơ sở để chống lại khuynh hướng đánh đồng các hình thức vận động, hoặc quy hình thức vận động này vào hình thức vận động khác trong quá trình nhận thức.

Khi khẳng định vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất; tức là đã khẳng định vận động là tuyệt đối là vĩnh viễn song điều đó không có nghĩa chủ nghĩa duy vật biện chứng phủ nhận sự đứng im cân bằng; nhưng đứng im, cân bằng chỉ là hiện tượng tương đối tạm thời và thực chất đứng im, cân bằng chỉ là một trạng thái đặc biệt của vận động.

Đứng im là tương đối, tạm thời vì đứng im, cân bằng chỉ xảy ra trong một số quan hệ nhất định chứ không xảy ra với tất cả mọi quan hệ; đứng im, cân bằng chỉ xảy ra trong một hình thức vận động chứ không phải

xảy ra với tất cả các hình thức vận động; đứng im không phải là cái tồn tại vĩnh viễn mà chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định, chỉ là xét trong một hay một số quan hệ nhất định, ngay trong đứng im vẫn diễn ra những quá trình biến đổi nhất định.

Đứng im là trạng thái đặc biệt của vận động, đó là vận động trong thế cân bằng, ổn định, vận động chưa làm thay đổi cơ bản về chất, hình dáng, kết cấu của sự vật.

- **Không gian, thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất.**

- Không gian là hình thức tồn tại của vật chất xét về mặt quảng tính (tính 3 chiều: dài, rộng, cao), biểu hiện sự cùng tồn tại và tách biệt cũng như trật tự phân bố của các sự vật. Nói tới không gian của sự vật là nói tới cái này bên cạnh cái kia, cái này bên trên cái kia v.v... Bất kể một khách thể vật chất nào cũng chiếm một vị trí nhất định, ở vào một khung cảnh nhất định trong sự tương quan với các khách thể khác. Đó chính là không gian của khách thể vật chất ấy. Do vậy, không gian là không gian của vật. Không có không gian ngoài vật chất.
- Thời gian là hình thức tồn tại của vật chất xét về mặt độ dài diễn biến, sự kế tiếp của các quá trình, biểu hiện trình tự xuất hiện, mất đi của sự vật (quá khứ, hiện tại, tương lai). Do vậy, thời gian cũng là thời gian của vật. Không có thời gian viết hoa thuần túy tách rời khỏi sự vật.

- **Không gian và thời gian có các thuộc tính.**

- Không gian và thời gian có tính khách quan. Bởi vì không gian và thời gian là thuộc tính của vật chất, gắn liền với nhau và gắn liền với vật chất. Vật chất tồn tại khách quan, do vậy, không gian và thời gian của vật chất cũng tồn tại khách quan.
- Không gian và thời gian có tính vĩnh cửu và vô tận. Nghĩa là, không gian và thời gian không có tận cùng về một phía nào cả, xét cả về quá khứ lẫn tương lai, cả về phía trước lẫn phía sau, cả về bên trên và bên dưới, cả về bên phải lẫn bên trái. Tính vô tận của vật chất quy định tính vô cùng, vô tận của không gian và thời gian. Không có không gian, thời gian thuần túy ngoài vật chất. Không gian, thời gian bao giờ cũng là không gian, thời gian của vật chất. Vật chất vô cùng, vô tận, vĩnh viễn do vậy, không gian và thời gian cũng vĩnh cửu và vô tận.

- o Không gian luôn có ba chiều (chiều dài, chiều rộng và chiều cao), còn thời gian chỉ có một chiều (từ quá khứ, hiện tại đến tương lai).

Lưu ý, trong khoa học, người ta có khái niệm không gian (“n” chiều, $n > 3$) đây là một trừu tượng khoa học dùng cho nghiên cứu, còn không gian thực của vật thể chỉ có 3 chiều.

1.2.1.4. Tính thống nhất vật chất của thế giới

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó, thể hiện:

Một là: chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất; thế giới vật chất là cái có trước, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.

Hai là: thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô tận, vô hạn, không được sinh ra và không bị mất đi.

Ba là: mọi tồn tại của thế giới vật chất đều có mối liên hệ khách quan, thống nhất với nhau, biểu hiện ở chỗ chúng đều là những dạng cụ thể của vật chất, là những kết cấu vật chất, có nguồn gốc vật chất, do vật chất sinh ra và cùng chịu sự chi phối của những quy luật khách quan phổ biến của thế giới vật chất. Trong thế giới vật chất không có gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hoá lẫn nhau, là nguồn gốc, nguyên nhân và kết quả của nhau.

Bản chất vật chất và tính thống nhất vật chất của thế giới là kết luận được rút ra từ việc khái quát những thành tựu của khoa học, được khoa học và cuộc sống hiện thực của con người kiểm nghiệm. Nó không chỉ định hướng cho con người giải thích về tính đa dạng của thế giới mà còn định hướng cho con người tiếp tục nhận thức về tính đa dạng ấy để thực hiện quá trình cải tạo hợp quy luật.

1.2.2. Ý thức

1.2.2.1. Nguồn gốc của ý thức

Ý thức có hai nguồn gốc: Tự nhiên và xã hội.

- **Nguồn gốc tự nhiên của ý thức:** Bộ óc người (cơ quan phản ánh) và sự tác động của thế giới khách quan lên bộ óc người. Đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

- Về bộ óc người: Ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc. Bộ óc càng hoàn thiện, hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc càng có hiệu quả, ý thức của con người càng phong phú và sâu sắc. Điều này lý giải tại sao quá trình tiến hoá của loài người cũng là quá trình phát triển năng lực của nhận thức, của tư duy và tại sao đời sống tinh thần của con người bị rối loạn khi sinh lý thần kinh của con người không bình thường do bị tổn thương bộ óc.
- Về mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan tạo ra quá trình phản ánh năng động, sáng tạo. Phản ánh là thuộc tính chung của mọi dạng vật chất. Đó là năng lực giữ lại và tái hiện lại của hệ thống vật chất này những đặc điểm của hệ thống vật chất khác khi hai hệ thống vật chất đó tác động lẫn nhau. Kết quả phản ánh phụ thuộc vào cả vật tác động và vật nhận tác động. Vật nhận tác động sẽ mang thông tin của vật tác động.

Cùng với sự phát triển của thế giới vật chất thuộc tính phản ánh của nó cũng phát triển từ thấp lên cao: phản ánh vật lý, phản ánh hoá học – hai dạng phản ánh này có tính chất thụ động chưa có định hướng lựa chọn.

Phản ánh sinh học đặc trưng cho thế giới tự nhiên sống. Hình thức phản ánh sinh học cũng có những hình thức khác nhau như kích thích – tức là phản ứng trả lời tác động của môi trường bên ngoài đối với cơ thể sống; cảm ứng – đó là sự phản ứng thể hiện sự nhạy cảm đối với sự thay đổi của môi trường; phản ánh tâm lý động vật – là sự phản ánh có tính chất bản năng do nhu cầu trực tiếp của sinh lý cơ thể và do quy luật sinh học chi phối.

Phản ánh ý thức của con người – là hình thức phản ánh cao nhất chỉ có ở con người. Nó là thuộc tính của một dạng vật chất đặc biệt, có tổ chức cao là bộ óc người. Có thể nói, ý thức bắt nguồn từ thuộc tính của vật chất – thuộc tính phản ánh – phát triển thành. Đây là quá trình hết sức lâu dài.

Chính bộ óc người (cơ quan phản ánh) và sự tác động của thế giới khách quan lên bộ óc người là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

- **Nguồn gốc xã hội của ý thức.** Theo triết học Mác-Lênin, lao động và ngôn ngữ là hai nguồn gốc xã hội quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của ý thức.
 - Lao động là quá trình con người sử dụng công cụ tác động vào giới tự nhiên nhằm thay đổi giới tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người. Đây cũng là quá trình làm thay đổi cấu trúc cơ thể, đem lại dáng đi thẳng bằng hai chân, giải phóng hai tay, phát triển khí quan, phát triển não bộ. v.v... của con người. Trong quá trình lao động, con người tác động vào thế giới khách quan làm thế giới khách quan bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của nó, biểu hiện thành những hiện tượng nhất định. Những hiện tượng ấy thông qua hoạt động của các giác quan tác động vào bộ óc người, tạo ra khả năng hình thành lên những tri thức nói riêng và ý thức nói chung.
 - Ngôn ngữ, Là hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ, ý thức không thể tồn tại và thể hiện. Sự ra đời của ngôn ngữ gắn liền với lao động. Lao động ngay từ đầu đã mang tính tập thể. Mối quan hệ giữa các thành viên trong lao động nảy sinh ở họ nhu cầu phải có phương tiện để giao tiếp, trao đổi tư tưởng. Nhu cầu này làm ngôn ngữ nảy sinh và phát triển ngay trong quá trình lao động. Nhờ ngôn ngữ con người đã không chỉ giao tiếp trao đổi mà còn khái quát, tổng kết, đúc kết thực tiễn, truyền đạt kinh nghiệm, truyền đạt tư tưởng từ thế hệ này qua thế hệ khác.
- Như vậy nguồn gốc cơ bản, trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động. Sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ.

1.2.2.2. Bản chất của ý thức

Theo triết học duy vật biện chứng, ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc người một cách tích cực, chủ động, sáng tạo trên cơ sở hoạt động thực tiễn.

Tính sáng tạo của ý thức được thể hiện ra rất phong phú. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có thể tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể

tương tượng ra cái không có trong thực tế, có thể tiên đoán, dự đoán tương lai (phản ánh vượt trước), có thể tạo ra những ảo tưởng, những huyền thoại, những giả thuyết, lý thuyết khoa học hết sức trừu tượng, khái quát cao, thậm chí ở một số người có khả năng đặc biệt tiên tri, thôi miên, ngoại cảm, thấu thị... những khả năng đó càng nói lên tính chất phức tạp và phong phú của ý thức ở con người mà khoa học còn phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ bản chất của những hiện tượng “kỳ lạ” đó.

Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người, song đây là sự phản ánh đặc biệt – phản ánh trong quá trình con người cải tạo thế giới. Quá trình ý thức là quá trình thống nhất của ba mặt sau đây:

Thứ nhất: trao đổi thông tin giữa chủ thể phản ánh và đối tượng phản ánh. Sự trao đổi này có tính chất hai chiều và có chọn lọc, có định hướng.

Thứ hai: chủ thể mô hình hoá đối tượng phản ánh trong tư duy dưới dạng tinh thần. Đây là quá trình cải biến, sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần, tư tưởng ở trong bộ óc người.

Thứ ba: chủ thể thực hiện quá trình hiện thực hoá tư tưởng, vật chất hoá tinh thần, ý thức thông qua hoạt động thực tiễn của mình.

Tính sáng tạo của ý thức không có nghĩa là ý thức đẻ ra vật chất. Sáng tạo của ý thức là sáng tạo của sự phản ánh theo quy luật và trong khuôn khổ của sự phản ánh, mà kết quả bao giờ cũng là những khách thể tinh thần.

1.2.2.3. Kết cấu của ý thức

Ý thức có kết cấu cực kỳ phức tạp. Có nhiều ngành khoa học, nhiều cách tiếp cận nghiên cứu về kết cấu ý thức, ở đây chỉ tiếp cận kết cấu của ý thức theo các yếu tố hợp thành và theo chiều sâu của nội tâm.

Theo các yếu tố hợp thành: Theo các yếu tố hợp thành, ý thức bao gồm nhiều yếu tố như tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí, tưởng tượng, v.v. Trong đó, tri thức là quan trọng nhất. Tri thức là sự hiểu biết. Tri thức có nhiều loại như tri thức về tự nhiên, về xã hội, về con người, v.v... và có nhiều cấp độ khác nhau như tri thức kinh nghiệm, tri thức lý luận, tri thức thông thường, tri thức khoa học.

Tình cảm là sự rung động của con người trong quan hệ với tự nhiên và với nhau cũng như với chính bản thân mình. Nó là hình thái đặc biệt

của phản ánh, nó tham gia vào tất cả hoạt động của con người . Nó có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực tới hoạt động của con người

Tri thức kết hợp với tình cảm hình thành nên niềm tin. Trên cơ sở niềm tin con người hoạt động có ý chí, quyết tâm hơn.

Theo chiều sâu của nội tâm:

Theo chiều sâu của nội tâm người ta chia ý thức thành:

- Tiềm thức là tri thức có được do phản ánh, thu nhận, tích lũy trở thành “bản năng”, kỹ năng hết sức tiềm tàng;
- Tự ý thức là sự tự nhận thức của chủ thể về bản thân mình;
- Vô thức là hiện tượng tâm lý không do lý trí điều khiển như sự lơ lửng, nói nhịu .v.v... Vô thức cũng đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người. Nhờ vô thức con người tránh được sự quá tải trong cuộc sống, đỡ căng thẳng. Tuy nhiên, không được tuyệt đối hoá vô thức; bởi vô thức là sự vô ý thức của con người có ý thức.

1.2.3. Môi quan hệ giữa vật chất và ý thức

1.2.3.1. Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức

Vật chất có trước, ý thức có sau. Vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức là nguồn gốc của ý thức. Óc người là cơ quan phản ánh để hình thành ý thức, không có bộ óc người thì không thể có ý thức.

Ý thức tồn tại phụ thuộc vào hoạt động thần kinh của bộ óc trong quá trình phản ánh thế giới khách quan. Do vậy, bộ óc có ảnh hưởng trực tiếp đến phản ánh có ý thức của con người.

Thế giới khách quan là nguồn gốc của phản ánh có ý thức, quyết định nội dung của ý thức, và quyết định sự biến đổi, phát triển của ý thức.

1.2.3.2. Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người

Ý thức có tính năng động sáng tạo, cho nên thông qua chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người, ý thức có thể tác động trở lại vật chất bằng cách thúc đẩy hoặc kìm hãm ở một mức độ nào đó các điều kiện vật chất, góp phần cải biến thế giới khách quan và các điều kiện khách quan.

Sự tác động trở lại cả ý thức đối với vật chất dù đến đâu chẳng nữa vẫn phụ thuộc vào các kiện vật chất. Cho nên, xét đến cùng, vật chất luôn quyết định ý thức.

1.2.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

Thứ nhất: Trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải tôn trọng quy luật khách quan. Không được lấy ý muốn chủ quan thay cho điều kiện khách quan .

Thứ hai: Phải thấy được vai trò tích cực của ý thức, tinh thần để sử dụng có hiệu quả các điều kiện vật chất hiện có. Nghĩa là, phải biết động viên tinh thần, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của ý thức, tinh thần vượt khó vươn lên. v.v...

Thứ ba: Tránh không rơi vào “chủ nghĩa khách quan” tức là tuyệt đối hoá điều kiện vật chất, ý lại, trông chờ vào điều kiện vật chất kiểu “Đại Lãn chờ sung”, không chịu cố gắng, không tích cực, chủ động vượt khó. vươn lên.

Thứ tư: Cần chống lại bệnh chủ quan duy ý chí tuyệt đối hoá vai trò của ý thức, của ý chí, cho rằng, ý chí, ý thức nói chung có thể thay được điều kiện khách quan, quyết định điều kiện khách quan.

Toàn bộ ý nghĩa phương pháp này cũng là những yêu cầu của nguyên tắc (quan điểm) xuất phát từ thực tế khách quan và phát huy tính năng động chủ quan trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Vì vậy, chúng ta thấy, chính quan điểm của triết học Mác-Lênin về vật chất, ý thức về quan hệ giữa vật chất và ý thức là cơ sở lý luận của nguyên tắc (quan điểm): Xuất phát từ thực tế khách quan và phát huy tính năng động chủ quan.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

Đây là một bài dài và rất quan trọng, anh/chị cần ghi nhớ:

- Khái lược những quan niệm trước khi triết học Mác ra đời (Cổ đại và thời kỳ cận đại) về vật chất.
- Định nghĩa vật chất của Lênin (nội dung và ý nghĩa); tính thống nhất vật chất của thế giới theo quan điểm triết học Mác-Lênin.
- Không gian thời gian, vận động (5 hình thức vận động và quan hệ giữa vận động với đứng im) là gì, tại sao chúng lại là hình thức và phương thức tồn tại của vật chất.
- Nguồn gốc (tự nhiên, xã hội), bản chất, kết cấu của ý thức.
- Quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ mối quan hệ này, đặc biệt là nguyên tắc (quan điểm) xuất phát từ thực tế khách quan, và phát huy tính năng động chủ quan.

Chúc các anh/chị thành công!

BÀI TẬP TỰ LUẬN

1. Tại sao trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan và phát huy tính năng động chủ quan.
2. Câu nào trong định nghĩa vật chất của Lênin nói lên rằng, ý thức của con người có thể nhận thức được vật chất?

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1. Hãy chọn câu phát biểu đúng nhất
 - a. CNDV là quan niệm đề cao đời sống vật chất của con người.
 - b. CNDT là quan niệm đề cao đời sống tình cảm của con người.
 - c. CNDV là khuynh hướng triết học cho thế giới tự nhiên là có trước, ý thức của con người là có sau.
 - d. CNDT là quan niệm khẳng định ý thức thực sự tồn tại.
2. Hãy chọn câu phát biểu đúng nhất
 - a. Thực tế khách quan là vật chất.
 - b. Thực tại khách quan tồn tại ngoài ý thức, độc lập với ý thức, được ý thức phản ánh là vật chất.
 - c. Những gì tồn tại thực mà con người có thể nhìn được như bàn, ghế, nhà là vật chất.
 - d. Vật chất là những gì cần thiết cho đời sống hàng ngày của con người như nước, gạo, thịt, cá, tiền, không khí.
3. Hãy chọn câu đúng nhất
 - a. Ý thức là một thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người.
 - b. Ý thức là một thuộc tính của vật chất có tổ chức cao.
 - c. Ý thức là một thuộc tính của bộ não người.
 - d. Ý thức không phải là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người.
4. Hãy xác định câu đúng nhất
 - a. Vật chất và ý thức, vận động và đứng im không có liên hệ với nhau.
 - b. Vật chất và ý thức, vận động và đứng im có liên hệ với nhau.
 - c. Vật chất và ý thức, vận động và đứng im đôi khi không có liên hệ với nhau.
 - d. Vật chất và ý thức, vận động và đứng im đôi khi có liên hệ với nhau.